

Bản án số: 378/2020/DSPT

Ngày: 22/5/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Việt Hồng

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Thanh Vân

2. Ông Nguyễn Bá Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Thế Nhân là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14, 22 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 887/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 510/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2795/2020/QĐST-DS, ngày 26/3/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A

Địa chỉ: Đường K, phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Hồng Như N

Địa chỉ: Đường C, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Lý Hoàng P – Sinh năm : 1974

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú Ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp M, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/10/2016 và quá trình tố tụng tại

Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A có người đại diện theo ủy quyền bà Vũ Hồng Như N trình bày:

Ngày 04/04/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần A cấp thẻ Visa chuẩn, số thẻ 4791 3825 2900 1882 hạn mức 50.000.000 đồng cho ông Lý Hoàng P. Thời hiệu thẻ từ ngày 04/04/2011 đến ngày 04/04/2014.

Ngày 22/06/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần A hủy thẻ cũ (Thẻ Visa chuẩn số 4791 3825 2900 1882 hạn mức 50.000.000 đồng) và cấp thẻ tín dụng Visa vàng cho ông Lý Hoàng P. Ngân hàng thương mại cổ phần A chuyển toàn bộ nợ, lãi qua thẻ tín dụng mới. Số thẻ: 4791 3925 7014 3129. Thời hạn 36 tháng từ ngày 22/06/2012 đến 22/06/2015. Hạn mức thẻ: 200.000.000 đồng.

Ngày 25/07/2012, theo đề nghị của ông Lý Hoàng P, Ngân hàng thương mại cổ phần A đồng ý tăng hạn mức thẻ tín dụng từ 200.000.000 đồng lên 400.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Lý Hoàng P đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 10/11/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần A chuyển toàn bộ nợ thẻ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm vào ngày 27/11/2019, ông P còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần A cả vốn và lãi là 1.612.645.177 (Một tỉ sáu trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi) đồng.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh buộc ông Lý Hoàng P trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền nợ còn thiếu (gồm lãi phạt, lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn) tính đến ngày 27/11/2019 là 1.612.645.177 (Một tỉ sáu trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần A, Giấy đề nghị cấp thẻ kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày ông Lý Hoàng P trả dứt nợ. Ông P phải trả nợ theo thứ tự sau: phí/ các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn, lãi trong hạn và vốn.

Tại bản tự khai ghi ngày 15/02/2017, bị đơn ông Lý Hoàng P trình bày:

Trước đây ông Lý Hoàng P có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 7.000.000.000 đồng. Vào năm 2016, ông P đã thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A. Riêng nội dung Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện theo Thông báo thụ lý vụ án số 482/2016/TB-TLVA ngày 08/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh thì Ngân hàng thương mại cổ phần A cho rằng ông P còn nợ 200.000.000 đồng theo số thẻ 4791 3925 7004 3129 ngày 22/6/2012 là không đúng vì thẻ này được cấp cùng với khoản vay 7.000.000.000 đồng và ông P đã giải quyết xong cho Ngân hàng thương mại cổ phần A và ông P cũng không sử dụng đồng nào trong thẻ tín dụng nêu trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 887/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Lý Hoàng P về việc yêu cầu trả số tiền là 1.612.645.177 đồng (Một tỷ sáu trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn một trăm bảy mươi bảy đồng) theo khoản nợ thẻ số 4791 3925 7014 3129 do Ngân hàng thương mại cổ phần A cấp cho ông Lý Hoàng P vào ngày 22/6/2012.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 28/11/2019, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 887/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A có bà Vũ Hồng Như N là đại diện theo ủy quyền trình bày: Dựa trên Tờ trình trích quỹ dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với khoản nợ của khách hàng tại CN Phú Lâm trong đó có tên khách hàng là ông Lý Hoàng P với số tiền sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro là 376.353.640 đồng. Phiếu nhập ngoại bang với nội dung chi tiết “Xử lý rủi ro phân lại thẻ TD số 4791392570143129 theo phê duyệt số 20415/CV-CSQLTD.13” thành tiền là 43,047,080.00 đồng.

Bên cạnh đó, trong văn bản trình bày ý kiến về việc liên quan đến khoản nợ thẻ của ông P thì phía Ngân hàng thương mại cổ phần A đã cung cấp thêm cho Tòa án các chứng cứ: Bảng chi tiết vốn gốc của ông Lý Hoàng P; Phiếu thông báo dành cho chủ thẻ (Bảng thông báo giao dịch hàng tháng); Diễn giải quá trình sử dụng thẻ của ông P; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A; Bản tự khai vào ngày 15/2/2017 của ông Lý Hoàng P; Bảng kê giao dịch thanh toán nợ vay có tài sản bảo đảm.

Nay, Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh buộc ông Lý Hoàng P trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền nợ còn thiếu (gồm lãi phạt, lãi quá hạn, lãi trong hạn, vốn) tính đến ngày 27/11/2019 là 1.612.645.177 (Một tỷ sáu trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần A, Giấy đề nghị cấp thẻ kể từ ngày 28/11/2019 đến ngày ông Lý Hoàng P trả dứt nợ.

- Bị đơn ông Lý Hoàng P vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần và Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến kết luận:

+ Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

- Sửa bản án số 887/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng buộc ông Lý Hoàng P phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A cả vốn và lãi tính đến ngày 27/11/2019 là 1.612.645.177 (Một tỉ sáu trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi bảy) đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên án phí DSST cũng phải sửa cho phù hợp; án phí DSPT nguyên đơn không phải chịu.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ghi ngày 04/4/2011 của ông Lý Hoàng P thì vào ngày 04/4/2011 Ngân hàng thương mại cổ phần A cấp thẻ Visa chuẩn số thẻ 4791 3825 2900 1882 hạn mức 50.000.000 đồng cho ông P. Thời hiệu thẻ từ ngày 04/4/2011 đến ngày 04/4/2014 là có cơ sở.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ghi ngày 18/6/2012 của ông Lý Hoàng P thì vào ngày 22/6/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần A hủy thẻ cũ (Thẻ Visa chuẩn số thẻ 4791 3825 2900 1882 hạn mức 50.000.000 đồng) và cấp thẻ Visa vàng cho ông P. Ngân hàng thương mại cổ phần A chuyển toàn bộ nợ, lãi qua thẻ tín dụng mới. Số thẻ 4791 3925 7014 3129. Thời hạn thẻ là 36 tháng tính từ ngày 22/6/2012 đến ngày 22/6/2015. Hạn mức 200.000.000 đồng là có cơ sở.

Căn cứ vào giấy đề nghị gia hạn thay đổi hạn mức thẻ tín dụng ghi ngày 25/7/2012 của ông Lý Hoàng P thì Ngân hàng thương mại cổ phần A đồng ý tăng hạn mức thẻ tín dụng từ 200.000.000 đồng lên 400.000.000 đồng.

Căn cứ vào Thông báo chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn số 15996/CV-TNCN.12 ngày 11/12/2012 của Trung tâm thu nợ cá nhân thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần A thì kể từ ngày 10/11/2012 Ngân hàng thương mại cổ phần A đã chuyển khoản nợ thẻ 4791 3925 7014 3129 do Ngân hàng thương mại cổ phần A cấp cho ông Lý Hoàng P vào ngày 22/6/2012 sang nợ quá hạn với dư nợ là 419.400.720 đồng với lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng là có cơ sở.

Căn cứ nội dung “Phiếu thông báo dành cho chủ thẻ” (Bút lục số 92) do Trung tâm thẻ Ngân hàng thương mại cổ phần A thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần A phát hành ngày 24/12/2013 (ngày lập bảng) thì Ngân hàng thương mại cổ phần A xác định thẻ số 4791 3925 7014 3129 số dư nợ cuối kỳ là: 0. Mặt khác, cũng trong phần nội dung “Bảng thông báo dành cho khách hàng” của “Phiếu thông báo dành cho chủ thẻ” (Bút lục số 92) do Trung tâm thẻ Ngân hàng thương mại cổ phần A thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần A phát hành ngày 24/12/2013 thì Ngân hàng thương mại cổ phần A cũng xác định: *Thẻ số 4791 3925 7014 3129; số dư đầu kỳ là 419.400.720 đồng; Nợ phát sinh trong kỳ là: 0; Đã thanh toán: 419.400.720 đồng; Số dư nợ cuối kỳ là: 0; Yêu cầu thanh toán tối thiểu là: 0.*

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A cho rằng Ngân hàng thương mại cổ phần A đã trích quỹ dự phòng để thanh toán cho khoản nợ quá hạn của ông P nhưng người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Tuy nhiên, tại giai đoạn tố tụng phúc thẩm. Ngày 11/5/2020 người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A đã cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh những chứng cứ gồm: Tờ trình trích quỹ dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với khoản nợ của khách hàng tại CN Phú Lâm trong đó có tên khách hàng là ông Lý Hoàng P với số tiền sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro là 376.353.640 đồng. Phiếu nhập ngoại bang với nội dung chi tiết “Xử lý rủi ro phân lại thẻ TD số 4791392570143129 theo phê duyệt số 20415/CV-CSQLTD.13” thành tiền là 43,047,080.00 đồng. Việc nguyên đơn cung cấp cho Tòa án những chứng cứ trên đã chứng minh Ngân hàng TMCP A đã sử dụng quỹ dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng đối với khoản vay của ông Lý Hoàng P.

Bên cạnh đó, trong văn bản trình bày ý kiến về việc liên quan đến khoản nợ thẻ của ông P thì phía Ngân hàng thương mại cổ phần A đã cung cấp thêm cho Tòa án các chứng cứ: Bảng chi tiết vốn gốc của ông Lý Hoàng P; Phiếu thông báo dành cho chủ thẻ (Bảng thông báo giao dịch hàng tháng); Diễn giải quá trình sử dụng thẻ của ông P; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Căn cứ Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng nhà nước về việc xử lý rủi ro trong hoạt động tín dụng ngân hàng; Thông tư 07/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010 của Ngân hàng nhà nước về việc cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận; Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng ban hành quy định quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng. Việc nguyên đơn cung cấp cho Tòa án những chứng cứ trên đã chứng minh giữa Ngân hàng TMCP A và ông Lý Hoàng P đã có sự thỏa thuận về các khoản phí, lãi suất áp dụng, lãi nhập vốn là đúng pháp luật và các chứng cứ trên cũng thể hiện rằng ông P cũng đã chấp nhận các thỏa thuận nêu trên là có cơ sở.

Phía ông Lý Hoàng P vắng mặt và không xuất trình được tài liệu, chứng

cứ chứng minh là đã thanh toán số nợ nêu trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Lý Hoàng P đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông P vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Lý Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông P đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần A và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án làm cơ sở để xem xét giải quyết vụ án.

Xét thấy các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đủ cơ sở để buộc ông Lý Hoàng P phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/11/2019 là 1.612.645.177 (Một tỉ, sáu trăm mười hai triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi bảy) đồng là có căn cứ.

Tại giai đoạn tố tụng phúc thẩm, nguyên đơn mới xuất trình các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình. Đây là tình tiết mới, do đó việc sửa bản án nêu trên không có lỗi của cấp sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Về án phí, Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là 60.379.355 (Sáu mươi triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi lăm) đồng và án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều 91; 93; 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyên đơn – Ngân hàng thương mại cổ phần A.

2/ Sửa bản án dân sự sơ thẩm 887/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Lý Hoàng P về việc yêu cầu ông Lý Hoàng P phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền vốn và lãi tính đến ngày 27/11/2019 là 1.612.645.177 (Một tỉ sáu trăm mười hai triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm bảy mươi bảy) đồng.

Việc thi hành nội dung của quyết định nêu trên được thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì bị đơn là ông Lý Hoàng P còn phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng thương mại cổ phần A, Giấy đề nghị cấp thẻ kể từ ngày 28/11/2019 của ông Lý Hoàng P theo hợp đồng mà hai bên ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ.

4/ Về án phí: Ông Lý Hoàng P phải chịu án phí có giá ngạch là 60.379.355 (Sáu mươi triệu, ba trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi lăm) đồng.

5/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Hoàng P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Do bản án sơ thẩm bị sửa nên nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

6/ Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.056.547 đồng (Hai mươi hai triệu không trăm năm mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi bảy đồng) mà Ngân hàng thương mại cổ phần A đã đóng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0021082 ngày 03/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

7/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- TAND Huyện Bình Chánh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trương Việt Hồng